

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TW I**

**GIÁO TRÌNH**  
**VĂN HOÁ CỘNG ĐỒNG**  
*(Lưu hành nội bộ)*

**Hà Nội, năm 2017**

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC</b>	<b>2</b>
<b>LỜI NÓI ĐẦU</b>	<b>3</b>
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ VĂN HOÁ CỘNG ĐỒNG</b>	<b>4</b>
<b>1.1. Khái niệm văn hoá, khái niệm gần văn hoá và khái niệm cộng đồng</b>	<b>4</b>
1.1.1 <i>Khái niệm văn hóa</i>	4
1.1.2. <i>Các khái niệm gần văn hóa</i>	5
1.1.3. <i>Khái niệm cộng đồng:</i>	6
<b>1.2. Loại hình văn hoá</b>	<b>7</b>
1.2.1. <i>Các loại hình văn hóa cơ bản trên thế giới</i>	7
1.2.2. <i>Các loại hình văn hóa cơ bản ở Việt Nam</i>	8
<b>1.3. Những thành tố của văn hoá</b>	<b>10</b>
1.3.1 <i>Ngôn ngữ:</i>	10
1.3.2. <i>Tôn giáo:</i>	10
1. 3.3. <i>Tín ngưỡng</i>	13
1.3.4 <i>Lễ hội</i>	14
<b>1.4. Chức năng của văn hoá</b>	<b>15</b>
<b>1.5. Sự ảnh hưởng của các giá trị văn hoá đến thực hành công tác xã hội</b>	<b>16</b>
<b>1.6. Thay đổi văn hoá và phát triển văn hoá</b>	<b>16</b>
<b>CHƯƠNG 2: VĂN HOÁ CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM</b>	<b>19</b>
<b>2.1. Tiến trình văn hoá Việt Nam</b>	<b>19</b>
<b>- NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT NAM- CHỦ THỂ VĂN HÓA</b>	<b>19</b>
2.1.1. <i>Vào thời đồ đá giữa (khoảng 10.000 năm về trước):</i>	19
2.1.2. <i>Từ cuối thời đá mới, đầu thời đại đồ đồng (khoảng 5000 năm về trước):</i>	19
2.1.3. <i>Văn hoá bản địa</i>	21
2.1.4. <i>Văn hoá giao lưu với Trung hoa và khu vực</i>	28
2.1.3. <i>Văn hoá dân tộc và vị trí của chúng trong văn hoá quốc gia</i>	39
2.1.1.4. <i>Văn hoá giao lưu với phương Tây</i>	<b>40</b>
2.1.1.5. <i>Tác động của kinh tế thị trường tới những thay đổi của văn hoá</i>	<b>41</b>
2.2.5. <i>Làng và ấp Nam bộ</i>	46
<b>2.3. Văn hoá đô thị Việt Nam</b>	<b>47</b>
2.3.1. <i>Văn hóa đô thị Việt Nam trong quan hệ quốc gia</i>	47
2.3.2. <i>Văn hóa đô thị Việt Nam trong quan hệ với nông thôn</i>	49
<b>2.4. Đặc điểm phát triển của văn hoá Việt Nam</b>	<b>52</b>
2.4.1. <i>Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc</i>	52
2.4.2. <i>Văn hoá cổ truyền trước công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hoá</i>	55
2.4.3. <i>Văn hoá Việt Nam hội nhập và phát triển</i>	55
2.4.4. <i>Vai trò của cán bộ XH trong một quốc gia đang hội nhập quốc tế</i>	57

## LỜI NÓI ĐẦU

Văn hoá cộng đồng là môn học cơ sở quan trọng của chương trình đào tạo cao đẳng nghề công tác xã hội, liên quan tới kiến thức hiểu biết trong khi làm việc với cộng đồng.

Môn học Giúp sinh viên hiểu biết cơ bản về văn hoá nông thôn, đô thị, những nét đặc sắc của văn hoá truyền thống Việt Nam phục vụ cho quá trình giao tiếp với các nhóm đối tượng trong các nền văn hoá khác nhau. Qua đó đưa đến hiệu quả cao nhất trong việc giải quyết các vấn đề của cá nhân và cộng đồng trong sự thống nhất trong khác biệt đa dạng về văn hoá.

Giáo trình được xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp và điều kiện thực tế của Nhà trường.

Giáo trình gồm 2 chương:

Chương 1: **Những vấn đề cơ bản về văn hoá cộng đồng**

Chương 2: **Văn hoá cộng đồng Việt Nam**

Mặc dù đã có sự cố gắng lớn của tập thể tác giả cùng sự tạo điều kiện của Khoa và Nhà trường, nhưng đây là giáo trình được biên soạn lần đầu nên không tránh khỏi những thiếu sót. Tập thể tác giả mong nhận được những ý kiến góp ý cả các chuyên gia, đồng nghiệp và độc giả để giáo trình ngày càng hoàn thiện hơn.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

Nhóm biên soạn

## Chương 1: Những vấn đề cơ bản về văn hoá cộng đồng

### 1.1. Khái niệm văn hoá, khái niệm gần văn hoá và khái niệm cộng đồng

#### 1.1.1 Khái niệm văn hóa

- **Theo nghĩa thông dụng**, văn hóa dùng để chỉ học thức (trình độ văn hóa), lối sống (nếp sống văn hóa).

- **Theo nghĩa chuyên biệt**, dùng để chỉ trình độ phát triển của một giai đoạn (văn hóa Đông Sơn)...

- **Theo nghĩa rộng**, văn hóa bao gồm tất cả, từ những sản phẩm tinh vi hiện đại cho đến tín ngưỡng, phong tục, lối sống, lao động...

#### \* Định nghĩa văn hóa

Có rất nhiều định nghĩa về văn hóa:

Một học giả Mĩ đã cho rằng “Văn hóa là tấm gương nhiều mặt phản chiếu đời sống và nếp sống của một cộng đồng dân tộc”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Vi lễ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặt ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa”. Cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng viết: “Nói tới văn hóa là nói tới một lĩnh vực vô cùng phong phú và rộng lớn, bao gồm tất cả những gì không phải là thiên nhiên mà có liên quan đến con người trong suốt quá trình tồn tại, phát triển, quá trình con người làm nên lịch sử... cốt lõi của sức sống dân tộc là văn hóa với nghĩa bao quát và cao đẹp nhất của nó, bao gồm cả hệ thống giá trị: tư tưởng và tình cảm, đạo đức với phẩm chất, trí tuệ với tài năng, sự nhạy cảm và sự tiếp thu cái mới từ bên ngoài, ý thức bảo vệ tài sản và bản lĩnh của cộng đồng dân tộc, sức đề kháng và sức chiến đấu để bảo vệ mình và không ngừng lớn mạnh.”

**Định nghĩa văn hóa của UNESCO:** Trong ý nghĩa rộng nhất, “Văn hóa hôm nay có thể coi là tổng thể những nét riêng biệt tinh thần và vật chất, trí tuệ và xúc cảm quyết định tính cách của một xã hội hay của một nhóm người trong xã hội. Văn hóa bao gồm nghệ thuật và văn chương, những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống các giá trị, những tập tục và những tín ngưỡng: Văn hóa đem lại cho con người khả năng suy xét về bản thân. Chính văn hóa làm cho chúng ta trở thành những sinh vật đặc biệt nhân bản, có lí tính, có óc phê phán và dần thân một cách đạo lí. Chính nhờ văn hóa mà con người tự thể hiện, tự ý thức được bản thân, tự biết mình là một phương án chưa hoàn thành đặt ra để xem xét những thành tựu của bản thân, tìm tòi không biết mệt những ý nghĩa mới mẻ và sáng tạo nên những công trình vượt trội lên bản thân”.

Theo quan niệm của UNESCO có 2 loại di sản văn hóa:

- Di sản văn hóa hữu thể: đình, chùa, miếu, lăng, mộ...

- Di sản văn hóa vô hình: Âm nhạc, múa, văn chương truyền miệng, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, lễ hội....

Cái hữu thể và vô hình gắn bó hữu cơ với nhau, lồng vào nhau như thân xác và tâm trí con người.

Trên cơ sở phân tích các định nghĩa văn hóa, PGS, TSKH Trần Ngọc Thêm đã đưa ra một định nghĩa về văn hóa: “ Văn hóa là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình”.

### 1.1.2. Các khái niệm gần văn hóa

#### - Khái niệm văn minh

Văn minh là danh từ Hán- Việt ( văn là vẻ đẹp, minh là sáng), chỉ tia sáng của đạo đức, biểu hiện ở chính trị, pháp luật, văn học, nghệ thuật.

Trong tiếng Anh, Pháp, từ civilisation với nội hàm nghĩa văn minh, có từ căn gốc La Tinh là *civitas* với nghĩa gốc: *đô thị, thành phố*, và các nghĩa phái sinh: thị dân, công dân.

*Văn minh là trình độ phát triển nhất định của văn hóa về phương diện vật chất, đặc trưng cho một khu vực rộng lớn, một thời đại hoặc cả nhân loại.*

Như vậy, văn minh khác với văn hóa ở 4 điểm:

+ Văn hóa có *bề dày của quá khứ* (tính lịch sử), văn minh là một lát cắt đồng đại, nó cho biết trình độ phát triển của văn hóa ở từng giai đoạn.

+ Tính giá trị: Trong khi văn hóa chứa cả giá trị *vật chất lẫn tinh thần*, thì văn minh chủ yếu thiên về giá trị *vật chất* mà thôi.

+ Phạm vi: Văn hóa mang tính *dân tộc*, còn văn minh có tính *quốc tế*.

+ Nguồn gốc: Văn hóa gắn bó nhiều hơn với *phương Đông nông nghiệp*, còn văn minh gắn bó nhiều hơn với *phương Tây đô thị*.

#### - Khái niệm văn hiến

Văn hiến ( hiến= hiện tài)- truyền thống văn hóa lâu đời và tốt đẹp.

GS. Đào Duy Anh khi giải thích từ “văn hiến” khẳng định: “là sách vở” và nhân vật tốt trong một đời.

Nói cách khác, văn là văn hóa, hiến là hiện tài, như vậy văn hiến thiên về những giá trị tinh thần do con người có tài đức chuyên tài, thể hiện tính dân tộc, tính lịch sử rõ rệt.

#### - Khái niệm văn vật

Truyền thống văn hóa tốt đẹp biểu hiện ở nhiều nhân tài trong lịch sử và nhiều di tích lịch sử. “ Hà Nội nghìn năm văn vật”. Văn vật còn là khái niệm hẹp để chỉ những công trình hiện vật có giá trị nghệ thuật và lịch sử, khái niệm văn vật cũng thể hiện sâu sắc tính dân tộc và tính lịch sử.

VĂN VẬT	VĂN HIẾN	VĂN HÓA	VĂN MINH
Thiên về giá trị vật	Thiên về giá trị tinh	Chứa cả giá trị vật	Thiên về giá trị vật

chất	thần	chất lẫn tinh thần	chất- kĩ thuật
	Có bề dày lịch sử		Chỉ trình độ phát triển
	Có tính dân tộc		Có tính quốc tế
Gắn bó nhiều hơn với phương Đông nông nghiệp			Gắn bó nhiều hơn với phương Tây đô thị

### 1.1.3. Khái niệm cộng đồng:

Cộng đồng là một từ dùng để chỉ một nhóm người có cùng sở thích hoặc cùng cư trú trong một vùng lãnh thổ nhất định. trong cộng đồng thường có những quy tắc chung được mọi người thống nhất thực hiện.

*Văn hóa cộng đồng là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do một nhóm người có cùng sở thích hoặc cùng cư trú trong một vùng lãnh thổ nhất định sáng tạo và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình*

**Văn hóa Việt Nam** dưới quan niệm là văn hóa dân tộc thống nhất trên cơ sở đa sắc thái văn hóa tộc người được thể hiện ở ba đặc trưng chính:

- Việt Nam có một nền văn hóa phong phú và đa dạng trên tất cả các khía cạnh, người Việt cùng cộng đồng 54 dân tộc có những phong tục đúng đắn, tốt đẹp từ lâu đời, có những lễ hội nhiều ý nghĩa sinh hoạt cộng đồng, những niềm tin bền vững trong tín ngưỡng, sự khoan dung trong tư tưởng giáo lý khác nhau của tôn giáo, tính cẩn kẽ và ẩn dụ trong giao tiếp truyền đạt của ngôn ngữ, từ truyền thống đến hiện đại của văn học, nghệ thuật.

- Sự khác biệt về cấu trúc địa hình, khí hậu và phân bố dân tộc, dân cư đã tạo ra những vùng văn hoá có những nét đặc trưng riêng tại Việt Nam. Từ cái nôi của văn hóa Việt Nam ở đồng bằng sông Hồng của người Việt chủ đạo với nền văn hóa làng xã và văn minh lúa nước, đến những sắc thái văn hóa các dân tộc miền núi tại Tây bắc và Đông bắc, từ các vùng đất biên viễn của Việt Nam thời dựng nước ở Bắc Trung bộ đến sự pha trộn với văn hóa Chăm Pa của người Chăm ở Nam Trung Bộ, từ những vùng đất mới ở Nam Bộ với sự kết hợp văn hóa các tộc người Hoa, người Khmer đến sự đa dạng trong văn hóa và tộc người ở Tây Nguyên.

- Với một lịch sử có từ hàng nghìn năm của người Việt cùng với những hội tụ về sau của các dân tộc khác, từ văn hóa bản địa của người Việt cổ từ thời Hồng Bàng đến những ảnh hưởng từ bên ngoài trong trong hàng nghìn năm nay, với những ảnh hưởng từ xa xưa của Trung Quốc và Đông Nam Á đến những ảnh hưởng của Pháp từ thế kỷ 19, phương Tây trong thế kỷ 20 và toàn cầu hóa từ thế kỷ 21, Việt Nam đã có những thay đổi về văn hóa theo các thời kỳ lịch sử, có những khía cạnh mất đi nhưng cũng có những khía cạnh văn hóa khác bổ sung vào nền văn hóa Việt Nam hiện đại.

## 1.2.Loại hình văn hoá

### 1.2.1.Các loại hình văn hóa cơ bản trên thế giới

#### - Văn hóa trồng trọt phương Đông

+ Môi trường sống của cư dân phương Đông là xứ nóng sinh ra mưa nhiều (ẩm), tạo nên các con sông lớn với những vùng đồng bằng trù phú. Phương Đông thuộc loại hình văn hóa gốc nông nghiệp.

+ Những đặc trưng chủ yếu:

*Trong cách ứng xử với môi trường tự nhiên, do sống phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên nên dân nông nghiệp có ý thức tôn trọng và ước vọng sống hòa hợp với thiên nhiên. Vd: người Việt Nam mở miệng là nói “lạy trời”, “nhờ trời”,...*

*Về mặt nhận thức, hình thành lối tư duy tổng hợp: Quạ tắm thì ráo, sáo tắm thì mưa; Đợt mùa lúa thì úa mùa cau, đợt mùa cau thì đau mùa lúa...*

- *Về mặt tổ chức cộng đồng, con người nông nghiệp ưa sống theo nguyên tắc trọng tình.( Một bồ cái lí không bằng một tí cái tình). Lối sống trọng tình cảm tất yếu dẫn đến thái độ trọng đức, trọng văn, trọng phụ nữ.*

+ *Lối sống linh hoạt, luôn biến báo cho thích hợp với từng hoàn cảnh cụ thể, dẫn đến triết lí sống Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài; Đi với bụi mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy...*

+ *Con người cư xử bình đẳng, dân chủ với nhau, dẫn đến tâm lí coi trọng cộng đồng, tập thể.*

+ *Mặt trái của tính linh hoạt là thói tùy tiện: tạt co giãn giờ giấc, sự thiếu tôn trọng pháp luật....,dẫn tới tệ “đi cửa sau” trong giải quyết công việc: Nhất quen, nhì thân, tam thân, tứ thế..Trọng tình và linh hoạt làm cho tính tổ chức của người nông nghiệp kém hơn so với cư dân nền văn hóa gốc du mục.*

- *Trong ứng xử với môi trường xã hội, tư duy tổng hợp và phong cách linh hoạt còn quy định thái độ dung hợp trong tiếp nhận. Đối phó với các cuộc chiến tranh xâm lược thì mềm dẻo, hiếu hòa*

#### - Văn hóa du mục phương Tây

+ *Ứng xử với tự nhiên: coi thường tự nhiên, dẫn đến tham vọng chinh phục tự nhiên.*

+ *Lĩnh vực nhận thức thì thiên về tư duy phân tích*

+*Trong tổ chức cộng đồng thì coi trọng sức mạnh( trọng tài, trọng võ, trọng nam giới), coi trọng vai trò cá nhân, ứng xử theo nguyên tắc.*

+*Trong ứng xử với môi trường xã hội, độc đoán trong tiếp nhận, cứng rắn, hiếu thắng trong đối phó*

TIÊU CHÍ		Phương Đông	Phương Tây
<b>Đặc trưng gốc</b>	Khí hậu Nghề chính	Nắng nóng lắm, mưa ẩm nhiều Trồng trọt	Xứ lạnh, khí hậu khô Chăn nuôi